

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HS-ST

Ngày: 13/5/2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Hoạt.

2. Ông Hà Văn Tiến.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sơn – Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Bà Hứa Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2020/HSST ngày 03/4/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST - HS ngày 29 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Nguyễn Ngọc T), sinh ngày 18 tháng 11 năm 1992; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm Đ, xã Nh, huyện Ph, tỉnh Th; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; con ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị D; có vợ là Dương Thị Ng và 01 con (sinh năm 2010); tiền sự: Không; tiền án: 01 (Tại bản án số 34/2014/HSST ngày 26/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện Ph, tỉnh Th đã xử phạt 18 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, chưa được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/02/2020 đến nay. Có mặt.

* **Bị hại:** Anh Chu Việt H, sinh năm 1986; trú tại: Thôn S, xã H, huyện T, tỉnh V. Vắng mặt.

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Anh Đinh Văn T1, sinh năm 1974; trú tại: Thôn Kh, xã N, thành phố B, tỉnh B. Vắng mặt.

* Người làm chứng:

1. Chị Hoàng Thị Ph, sinh năm 1991; trú tại: Thôn N, xã C, huyện N, tỉnh B. Vắng mặt.

2. Anh Chu Hồng S, sinh năm 1982; trú tại: Thôn S, xã H, huyện T, tỉnh V. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua mạng xã hội Facebook, Nguyễn Văn T biết anh Chu Việt H đang tuyển thợ xây dựng nên T có đặt vấn đề với anh H về việc cho T và bạn là chị Hoàng Thị Ph đến làm thuê tại công trình xây dựng của anh H và được anh H đồng ý.

Ngày 15/7/2019, T và chị Ph đến làm việc cho anh H tại công trình xây dựng của anh H thuộc thôn T, xã Ph, huyện S, thành phố H. Sau khi vào làm được 07 (bảy) ngày, tối ngày 21/7/2019 Ph nói với T là ngày mai có việc phải về quê nên T đã nói với anh H xin tạm ứng tiền công với số tiền 3.000.000 đồng để cho Ph về quê thì anh H đồng ý và bảo gặp anh Chu Hồng S (là anh trai ruột của anh H) để nhận. Sáng ngày 22/7/2019, T gặp anh S lấy số tiền 3.000.000 đồng, sau khi nhận tiền T tiếp tục gặp anh H để hỏi mượn 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda-Dream, biển kiểm soát 88K5 – 11xx của anh H với lí do đưa Ph ra điểm bắt xe khách để Ph bắt xe khách về quê và hẹn xong việc sẽ quay lại trả xe ngay. Anh H đồng ý và giao xe cho T mượn nhưng không giao giấy tờ xe.

Sau khi mượn được xe, T điều khiển xe chở Ph đi ra điểm bắt xe khách tại ngã tư N, thuộc xã Ph, huyện S, thành phố H nhưng chờ một lúc không thấy có xe nên T đã bảo Ph lên xe và T tiếp tục điều khiển xe chở Ph đi về nhà của Ph tại xã C, huyện N, tỉnh B. Đến nơi, Ph đi về nhà còn T điều khiển xe đi đến thị trấn Y, huyện N, tỉnh B chơi mấy ngày.

Đến ngày 26/7/2019, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 88K5 – 11xx đi từ thị trấn Y, huyện N ra Quốc lộ 3, khi đi qua đèo Á, T bị ngã xe và bị thương nên đã gọi qua ứng dụng messenger tại tài khoản facebook của T cho bạn là anh Hoàng Văn T2, trú tại huyện C, tỉnh B (không rõ năm sinh và địa chỉ cụ thể) rồi hẹn gặp nhau tại ngã ba xã Y (nay là thị trấn Đ) huyện Ch, tỉnh B. Do đã tiêu hết tiền nên khi gặp anh T2, T đã vay anh T2 số tiền 200.000 đồng. Sau khi vay được tiền, T đã mua thuốc sát trùng vết thương rồi điều khiển xe đi đến xã Y, huyện P, tỉnh Th, lúc này T nghĩ sẽ đi vay tiền tiếp, nếu không vay được của ai thì có thể sẽ phải mang xe mô tô của anh H đi cầm cố hoặc bán nhưng nếu vẫn để xe gắn biển kiểm soát 88K5 – 11xx thì sẽ khó thực hiện được nên đã vào một quán thu mua sắt vụn ở khu vực xã Y (không nhớ cụ thể tên và địa chỉ) mua một chiếc biển kiểm soát có số 20H4-90xx với giá 150.000 đồng để thay. Sau khi mua được, T không thay biển số xe ngay do vẫn nghĩ sẽ tiếp tục đi vay tiền nên đem theo biển kiểm soát trên tiếp tục điều khiển xe quay lại thị trấn Ch (nay là thị trấn Đ) huyện Ch, tỉnh B và thuê nhà nghỉ (không nhớ cụ thể tên và địa chỉ) ngủ qua đêm.

Đến sáng ngày 27/7/2019, T dậy trả phòng nghỉ nhưng do hết tiền nên đã để lại nhà nghỉ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung đang sử dụng để

làm tin và hẹn sẽ quay lại trả tiền phòng rồi lấy lại điện thoại thì được chủ nhà nghỉ đồng ý. Sau đó T tiếp tục điều khiển xe đến đoạn đường gần khu vực cầu Nh thuộc xã Nh, huyện Ch, tỉnh B rồi tháo, vớt chiếc biển số xe 88K5 – 11xx xuống bờ sông và lắp biển số xe 20H4 – 90xx vào chiếc xe mô tô mượn của anh H. Lắp biển xong, T vẫn nghĩ sẽ tiếp tục đi vay tiền nếu hỏi vay được thì sẽ quay lại chỗ cũ để nhặt biển số xe đã vớt lắp lại rồi đem trả xe cho anh H. T tiếp tục điều khiển xe mô tô của anh H đi theo Quốc lộ 3 đến thành phố B, khi đi đến khu vực thôn Kh, xã N, thành phố B thì T quyết định không đi vay tiền nữa và sẽ mang chiếc xe mô tô của anh H đi bán. Do biết anh Đinh Văn T1 nên T đã điều khiển xe đến cửa hàng mua bán, sửa chữa xe máy của anh T1 tại thôn Kh, xã N, thành phố B gặp anh T1 nói với anh T1 chiếc xe là của tài sản của T, muốn bán vì đang cần tiền nhưng quên không mang theo giấy tờ xe. Anh T1 tin tưởng và đã đồng ý mua xe mô tô được lắp BKS 20H4 – 90xx của T với số tiền 3.600.000 đồng. Việc mua bán xe chỉ nói bằng miệng không lập giấy tờ, T hẹn sẽ mang giấy tờ đến đưa lại cho anh T1 sau.

Sau khi bán được xe, T cầm tiền quay lại nhà nghỉ ở huyện C, tỉnh B trả tiền phòng hết số tiền 180.000 đồng và lấy lại điện thoại, rồi gọi điện qua facebook hẹn gặp và trả anh T2 số tiền đã vay là 200.000 đồng. Số tiền còn lại T đã một mình chi tiêu cá nhân hết, đồng thời không liên lạc hoặc quay lại gặp anh H.

Sau khi cho T mượn xe, anh H không thấy T quay lại trả theo hẹn nên đã nhiều lần gọi điện thoại liên lạc với T nhưng không được nên đã trình báo công an.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 16/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Bắc Kạn kết luận: 01 (Một) xe mô tô BKS: 20H4-90xx, nhãn hiệu Honda (Dream), số khung 08078Y093682; số máy HA 08E111872, màu nâu, xe đã qua sử dụng. Trị giá tài sản là: 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng chẵn).

Tại bản cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 02/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với Nguyễn Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

...;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Nguyễn Ngọc T) phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Đinh Văn T1 số tiền 3.600.000đ (Ba triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, vỏ màu đồng đã qua sử dụng, bên trong gắn 02 thẻ sim có số điện thoại 0921708242 và 03570913xx và số tiền 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng). Giao cho Đội Cảnh sát giao thông - Trật tự, Công an thành phố Bắc Kạn xử lý theo thẩm quyền: 01 (Một) biển số xe 20H4-90xx đã qua sử dụng.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận việc truy tố, xét xử bị cáo là không oan, đúng người, đúng tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn và Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo thống nhất với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có cơ sở khẳng định:

Ngày 22/7/2019, Nguyễn Văn T đã mượn 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda - Dream, biển kiểm soát 88K5 – 11xx có trị giá là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) của anh Chu Việt H tại công trình xây dựng của anh H thuộc thôn T, xã Ph, huyện S, thành phố H để chở bạn là chị Hoàng Thị Ph ra điểm bắt xe tại ngã tư N, thuộc xã Ph, huyện S, thành phố H để bắt xe về quê. Sau đó do chờ lâu không có xe khách, T đã tự ý điều khiển chiếc xe mô tô của anh H chở chị Ph về quê ở xã C, huyện N, tỉnh B mà chưa được sự đồng ý của anh H. Đến ngày 27/7/2019, do cần tiền chi tiêu cá nhân nên Nguyễn Văn T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt và đã bán chiếc xe mô tô của anh Chu Việt H cho anh Đinh Văn T1 tại địa chỉ thôn Kh, xã N, thành phố B, tỉnh B được số tiền 3.600.000 đồng rồi chi tiêu cá nhân hết.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Do vậy, việc truy tố, xét xử bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo không có tiền sự, có 01 tiền án. Tại bản án số 34/2014/HSST ngày 26/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện Ph, tỉnh Th đã xử phạt 18 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tăng nặng là “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo “thành khẩn khai báo” nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

* Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung "Phạt tiền" đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại anh Chu Việt H vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại vì đã nhận lại xe nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đinh Văn T1 vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu bị cáo phải bồi thường

số tiền 3.600.000 đồng là số tiền anh đã bỏ ra để mua xe. Bị cáo nhất trí bồi thường số tiền tiền 3.600.000 đồng cho anh T1 nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự thỏa thuận trên.

* Về xử lý vật chứng:

- 01 biển kiểm soát 88K5 – 11xx Nguyễn Văn T đã tháo rồi vứt xuống khu vực cầu Nh thuộc huyện Ch, tỉnh B, do T không nhớ chính xác vị trí vứt, Cơ quan điều tra đã ra Thông báo truy tìm vật chứng nhưng chưa tìm thấy.

- Đối với 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu sơn nâu, số máy HA08E1111872, số khung 08078Y093682 sau khi tạm giữ và trưng cầu định giá xong, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại anh Chu Việt H là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, gắn biển kiểm soát 34M1 – 18xx, có số máy 5C63-725565, số khung RLCS56630CY725511 và 01 (một) giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0050088, tên chủ xe Đặng Văn R, do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh H cấp ngày 13/11/2006 là tài sản mà Cơ quan điều tra đã tạm giữ trong quá trình lập biên bản bắt người đang bị truy nã đối với Nguyễn Văn T, quá trình điều tra xác định chiếc xe và giấy đăng ký mô tô, xe máy trên không phải là vật chứng có liên quan đến vụ án và chưa xác định được rõ chủ sở hữu và nguồn gốc hợp pháp nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố Bắc Kạn đã bàn giao cho Đội Cảnh sát giao thông - Trật tự, Công an thành phố Bắc Kạn tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý theo thẩm quyền là có căn cứ.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, vỏ màu đồng đã qua sử dụng, bên trong gắn 02 thẻ sim có số điện thoại 09217082xx và 03570913xx thu giữ của bị cáo là tài sản của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

- 01 (Một) biển số xe 20H4-90xx đã qua sử dụng. Quá trình điều tra chưa xác định được rõ chủ sở hữu và nguồn gốc hợp pháp nên cần giao cho Đội Cảnh sát giao thông - Trật tự, Công an thành phố Bắc Kạn tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý theo thẩm quyền.

- Số tiền 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo là tài sản của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

* Đối với chị Hoàng Thị Ph, qua điều tra xác định việc T nảy sinh ý định chiếm đoạt và mang chiếc xe mô tô của anh H đi bán chị Ph biết được ngay khi T bị Công an triệu tập làm việc nên không xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự.

Đối với anh Đinh Văn T1 là người đã mua chiếc xe mô tô mà T mượn của anh Chu Việt H, qua điều tra xác định anh T1 không biết chiếc xe là do T mượn của anh H rồi mang đi bán nên không xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Nguyễn Ngọc T) phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

* Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 05/02/2020.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Đinh Văn T1 số tiền 3.600.000đ (Ba triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Việc thi hành án khoản tiền bồi thường được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, vỏ màu đồng đã qua sử dụng, bên trong gắn 02 thẻ sim có số điện thoại 09217082xx và 03570913xx; Số tiền 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng)

- Giao cho Đội Cảnh sát giao thông - Trật tự, Công an thành phố Bắc Kạn xử lý theo thẩm quyền: 01 (Một) biển số xe 20H4-90xx đã qua sử dụng.

Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận giữa Công an thành phố Bắc Kạn và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh ;
- VKSND thành phố;
- Cơ quan **CSDT** Công an thành phố;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- Sở tư pháp;
- **Nhà tạm giữ Công an thành phố;**
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Dương